

Bản án số: 19/2017/HSST

Ngày: 26 - 9 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Thống;

- Ông Võ Minh Út.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Công, là Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Ân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.
Tòa án nhân dân huyện Năm Căn mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý
số: 22/2017/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Văn T, sinh năm 1977 (có mặt)

Tên gọi khác: Võ Ngọc T.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú: Khóm 5, thị trấn N, huyện N,
tỉnh Cà Mau.

Nghề nghiệp: Chạy xe Hôn đa khách; Trình độ học vấn: Biết viết tên.

Con ông: Võ Văn H (chết); và bà: Huỳnh Thị H, sinh năm 1940.

Vợ: Phạm Thị N (tên gọi khác: L), sinh năm 1993.

Trước đây bị cáo có vợ tên Trần Lan Tr, sinh năm 1985 (đã ly hôn).

Con: Võ Văn T, 06 tuổi.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 04 tiền án.

+ Lần thứ nhất: Ngày 11/9/1998, bị Tòa án nhân dân huyện N tuyên phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, được đặc xá ngày 29/4/1999.

+ Lần thứ hai: Ngày 18/8/1999, bị Tòa án nhân dân huyện N tuyên phạt 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/5/2000.

+ Lần thứ ba: Ngày 22/8/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau tuyên phạt 09 năm tù về tội cướp tài sản, bị cáo kháng cáo Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử án sơ thẩm. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/5/2009.

+ Lần thứ tư: Tại bản án số 52/2012/HSST ngày 31/10/2012, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo kháng cáo, tại bản án số 14/2013 ngày 17/01/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giữ nguyên án sơ thẩm, tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 22/10/2015.

Bị tạm giữ ngày 30/3/2017; tạm giam ngày 05/4/2017;

Người bị hại:

1/ Anh Lê Văn T, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang; Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2/ Anh Lê Tuấn K, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã T, thành phố C; Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị N (tên gọi khác L) (vợ bị cáo), sinh năm 1993. Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 29/3/2017, Võ Văn T gặp đối tượng tên Hồ Văn D sinh năm 1993, cả hai đến khu vực nhà kho của đại lý bia Thanh H thuộc khóm 7, thị trấn N, huyện N, thấy nhà kho không có cửa, đèn mở sáng, anh Lê Tuấn K và Lê

Văn T nằm ngủ trong mùng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, D nói với T “trong nhà có người ngủ tôi với anh vô kiểm điện thoại hay cái gì đó xài” thì T đồng ý.

Cả hai đi vào nhà, T đi lại chỗ giường nơi hai thanh niên đang ngủ, thấy có 02 điện thoại di động (hiệu Nokia 1280 và E7 cảm ứng do Trung Quốc sản xuất) để trên phía đầu nằm của anh Lê Văn T nên T dùng tay sờ mùng lấy 02 điện thoại bỏ vào túi quần đi ra ngoài đợi D, sau đó T đưa cho D 01 cây kéo, D dùng cây kéo cắt vách mùng phía bên ngoài lấy 01 cái bóp của anh Lê Tuấn K (bên trong có 7.000.000 đồng và giấy tờ tùy thân gồm 02 thẻ ATM của Ngân hàng C, 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Tuấn K, 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Tuấn K, 01 chứng nhận đăng ký xe 69B1 02354, D lấy tiền và rút bóp ra ngoài đường. Sau đó, cả hai đi về hướng ngã tư thị trấn N, D lấy tiền trong bóp chia cho T được 2.900.000 đồng rồi cả hai đi về nhà. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T bán 01 điện thoại cảm ứng hiệu E7 cho 01 người thanh niên (không biết họ, tên và địa chỉ cụ thể) tại quán cà phê dưới dốc cầu Kinh T với giá 700.000 đồng.

Đối với anh K, T sau khi mất trộm, rạng sáng ngày 29/3/2017, anh Lê Tuấn K và Lê Văn T phát hiện mất tài sản nên đến Công an thị trấn N trình báo và xác định đã kiểm tra camera ghi hình thấy hai thanh niên đi vào lục tài sản và rạch mùng, cơ quan điều tra trích xuất camera ghi hình hiện trường vụ án tại đại lý bia của anh K, được chép qua USB hiệu Transced thu giữ ngày 29/3 để điều tra. Anh K xác định mất một cái bóp bên trong có giấy tờ tùy thân và 7.000.000 đồng; anh T xác định mất 02 điện thoại như trên.

Qua kiểm tra camera, Công an thị trấn mời đối tượng Võ Văn T về trụ sở làm việc. Còn Hồ Văn D đã bỏ trốn, cho đến nay chưa làm việc được. Ngày 30/3/2017, Cơ quan điều tra cho T nhận dạng qua hình ảnh T xác định T cùng đối tượng Hồ Văn D trộm cắp tài sản của anh K và T. Trong đó T trộm 02 điện thoại, còn D trộm 01 cái bóp và D có chia cho T là 2.900.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản ngày 03/4/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Năm Căn, kết luận:

- Một điện thoại di động Trung Quốc hiệu Kimfly E7, màn hình cảm ứng, màu đen, mua mới tháng 01/2017, tỷ lệ chất lượng còn lại 90% bằng số tiền 810.000 đồng.

- Một điện thoại di động Nokia 1280, mua mới năm 2014, tỷ lệ chất lượng còn lại 40% bằng số tiền: 180.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là 990.000 đồng.

Kết luận: Đêm 29/3/2017, Võ Văn T cùng Hồ Văn D đột nhập vào kho đại lý bia Thanh H ở khóm 7, thị trấn N trộm của anh K 01 bóp có số tiền là 7.000.000 đồng và 02 điện thoại của anh T có giá trị là 990.000 đồng, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.990.000 đồng. Bị cáo có 04 tiền án, lần lượt bị kết tội: Cướp giật; Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Cướp tài sản và trộm cắp tài sản, được tha tù vào ngày 22/10/2015, khi về địa phương sinh sống chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội ngày 29/3/2017 là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Tại bản cáo trạng số 16/KSĐT-KT ngày 03/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn truy tố đối với bị cáo Võ Văn T về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo tù 03 năm đến 3,5 năm tù.

- Bị cáo trình bày: Không liên quan đến việc D lấy cái bóp, không có được chia 2.900.000 đồng từ tên D. Không đồng ý luận tội của Đại diện Viện kiểm sát buộc bị cáo chịu trách nhiệm trộm cắp số tiền 7.000.000 đồng. Đối với số tiền 7.000.000 đồng vợ bị cáo đã bồi thường, bị cáo không có ý kiến vì bị cáo thấy cũng có lỗi đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sau này gặp D bị cáo sẽ tính toán về khoản tiền đã bồi thường.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Qua xem xét toàn bộ những chứng cứ đã được thẩm tra và tranh luận tại phiên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 04 giờ sáng ngày 29/3/2017 Hồ Văn D và bị cáo T đi ngang đại lý bia Thanh H thuộc khóm 7, thị trấn N, huyện N thấy nhà kho đèn sáng nhưng không đóng cửa, có anh Lê Tuấn K và Lê Văn T nằm ngủ trong mùng, D rủ bị cáo trộm tài sản, bị cáo đồng ý. T dùng tay đỡ mùng lấy hai điện thoại di động của anh T, sau đó T đi ra ngoài đường lộ quay vào đưa cho D cây kéo, D cắt mùng và lấy một cái bóp của anh K.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 03/4/2017 xác định tổng giá trị tài sản là 990.000 đồng, cụ thể:

- Một điện thoại di động Trung Quốc hiệu Kimfly E7, màn hình cảm ứng, màu đen, giá trị sử dụng 90% trị giá 810.000 đồng.

- Một điện thoại di động Nokia 1280, giá trị sử dụng còn 40% trị giá là 180.000 đồng.

Theo lời khai của anh K trong bóp có 7.000.000 đồng, nên cáo trạng truy tố buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với số tiền có trong bóp và giá trị hai điện thoại di động. Về phía bị cáo trình bày là mình không liên quan đến việc tên D trộm cái bóp tiền và cũng không biết trong bóp có bao nhiêu tiền. Việc tên D trộm cái bóp bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm bởi vì xem lại camera thể hiện bị cáo và D đi ra vào nhiều lần và bị cáo đưa cây kéo để D cắt móng. Nhưng số tiền có trong bóp bao nhiêu chỉ căn cứ vào lời khai của người bị hại là chưa đảm bảo tính pháp lý (bởi vì anh K khai bán bia được khoảng 7.000.000 đồng để trong bóp có 6.000.000 đồng mệnh giá 500.000 đồng, hồ sơ chưa thể hiện rõ bán bia số lượng bao nhiêu, bán cho ai, thời gian bán để chứng minh nguồn gốc số tiền, lời khai của người bị hại phải phù hợp với những chứng cứ khác thì mới xem là chứng cứ để quy kết đối với bị cáo).

Nhưng bị cáo có được số tiền 2.900.000 đồng từ trộm cắp cái bóp là có cơ sở, bởi lẽ khi vừa bị bắt bị cáo khai nhận tại các bút lục 112, 133 và 136 là sau khi chia được 2.900.000 đồng thì ngay buổi chiều ngày 29/3/2017 bị cáo đưa cho vợ là chị N 1.000.000 đồng để trả nợ cho Hồ Thị Ngọc Tr, bị cáo trực tiếp trả nợ cho Trần Văn B là 1.000.000 đồng, nhưng sau đó bị cáo lại khai là mượn của chị H để trả nợ (có lời khai bị cáo khai mượn ngày 29/3/2017, tại phiên tòa bị cáo khai mượn trước đó vài ngày), nhưng qua xác minh bị cáo mượn từ nhiều tháng trước. Lời khai của bị cáo ngay sau khi bị bắt tạm giam là được D chia 2.900.000 đồng phù hợp với những chứng cứ đã được xác minh thể hiện trong hồ sơ.

Như vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm với tài sản trộm cắp có tổng trị giá 990.000 đồng + 2.900.000 đồng = 3.890.000 đồng.

Trong vụ án này, không chứng minh được bị cáo thực hiện tội phạm có tổ chức, chưa bắt được tên D, lời khai của bị cáo thể hiện bị cáo và tên D đi ngang tiệm bia thấy cửa không đóng thì rủ nhau trộm cắp, cả hai cùng thực hiện chứ không có phân công vai trò trách nhiệm, không có người chủ mưu.

Đối với bị cáo đã có 04 tiền án chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực

tiếp, đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, hành vi của bị cáo Võ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tài sản hợp pháp của anh K và anh T đồng thời ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, gây hoang mang lo sợ trong nhân dân. Xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động chân chính mà chỉ muốn hưởng thụ trên sức lao động của người khác, cho nên lợi dụng lúc mọi người ngủ say thì bị cáo lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật rất kém, trong 04 tiền án thì có 03 tiền án về nhóm tội xâm phạm sở hữu, bị cáo đã chấp hành án với thời gian dài, liên tục nhưng vẫn không thay đổi bản tính mà sau khi mãn hạn tù không bao lâu lại tiếp tục phạm tội, bản thân bị cáo chưa thật sự ăn năn thể hiện ở chỗ bị cáo chưa thành khẩn khai báo. Do vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo thành người tốt và ngăn ngừa tội phạm.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Đã đồng ý dùng số tiền 7.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho anh K, người bị hại có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Chứng cứ hồ sơ thể hiện, bị cáo trực tiếp lấy trộm hai điện thoại của anh Lê Văn T, tên D trực tiếp lấy trộm cái bóp của anh Lê Tuấn K. Theo như lời khai của anh K trong bóp có 7.000.000 đồng. Hiện tại tên D bỏ trốn, khi nào bắt được sẽ xem xét xử lý theo pháp luật. Vì vậy, trong vụ án này buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm dân sự. Đối với số tiền anh K khai mất 7.000.000 đồng, chị Phạm Thị N (vợ bị cáo) đã tự nguyện bồi thường 7.000.000 đồng cho anh K, tại phiên tòa bị cáo không đặt ra yêu cầu về số tiền đã bồi thường và chị N cũng không có yêu cầu đối với số tiền này, xét thấy đây là sự tự nguyện về việc bồi thường giữa các bên không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hai điện thoại của anh T, theo biên bản định giá thì giá trị hai điện thoại là 990.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường, bởi vì thời gian thu giữ lâu có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng.

Xử lý vật chứng:

Một USB hiệu Transced trích xuất đoạn camera ghi hình tại hiện trường vụ án đêm 29/3/2017 (đã được niêm phong). Đây là chứng cứ của vụ án, Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Năm Căn đang quản lý, giao cho Chi cục Thi hành án tiếp tục quản lý nhằm có cơ sở xử lý vụ việc khi bắt được tên Hồ Văn D.

Một điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xám đen không có sim, số IMEI 354577/05/586477/0. Giao trả cho bị cáo vì bị cáo đã bồi thường cho anh T giá trị của điện thoại này.

Một cái quần lửng màu xám, vàng; một áo thun màu đen, tay dài, có bầu và có hai túi ở phía trước áo; một đôi dép lê màu trắng đen, quai dép màu trắng, hiệu adiva. Toàn bộ vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn đang quản lý các vật chứng trên).

Ngoài ra, bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật đối với thời gian chậm thi hành số tiền cho anh T.

Đối với chị Phạm Thị N, tự nguyện bồi thường cho anh K 7.000.000 đồng từ lúc bị cáo vừa bị bắt, chị N không đặt ra yêu cầu về số tiền này.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Là có căn cứ chấp nhận.

Vụ án này, ngày 25/8/2017 Hội đồng xét xử có Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung các chứng cứ: *Thứ nhất*: Xác minh để có căn cứ pháp lý chứng minh bị cáo T trộm cắp của anh K số tiền 7.000.000 đồng; *thứ hai*: Chị N bồi thường cho anh K 7.000.000 đồng do tự chị N bồi thường hay do bị cáo tác động hoặc bị cáo kêu chị N bồi thường; *thứ ba*: Căn cứ để chứng minh bị cáo nhận 2.900.000 đồng từ D chia. Ngày 30/8/2017, Viện kiểm sát có văn bản không chấp nhận yêu cầu điều tra bổ sung.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật,

Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T (tên gọi khác: Võ Ngọc T), phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng:

+ Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T (tên gọi khác: Võ Ngọc T) 03 năm 06 tháng tù (ba năm sáu tháng). Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

+ Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình bị cáo đã bồi thường theo yêu cầu của anh Lê Tuấn K với số tiền 7.000.000 đồng, các đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét, anh K không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Văn T giá trị hai điện thoại di động là 990.000 đồng.

Kể từ ngày anh Lê Văn T có đơn yêu cầu thi hành, trường hợp bị cáo chậm thanh toán phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Xử lý vật chứng:

- Một USB hiệu Transced trích xuất đoạn camera ghi hình tại hiện trường vụ án đêm 29/3/2017 (đã được niêm phong). Đây là chứng cứ của vụ án, giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn tiếp tục quản lý nhằm có cơ sở xử lý vụ việc khi bắt được tên Hồ Văn D.

- Một điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu xám đen không có sim, số IMEI 354577/05/586477/0. Giao trả cho bị cáo vì bị cáo đã bồi thường cho anh T giá trị của điện thoại này.

- Một cái quần lửng màu xám, vàng; một áo thun màu đen, tay dài, có bầu và có hai túi ở phía trước áo; một đôi dép lê màu trắng đen, quai dép màu trắng, hiệu adiva. Toàn bộ vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn đang quản lý các vật chứng trên).

Bị cáo phải chịu án phí: Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự 300.000 đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp;
- Tòa án Tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Những người tham gia TT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiền